TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển

Ông Đặng Thanh Cao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/12/2022 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 122A/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn T Đ, sinh năm 1975 (Có mặt)
Địa chỉ: 732, ấp Phú Thọ, xã N P, huyện M T, tỉnh Đ T.
2. *Bị đơn*: Bùi Văn S E, sinh năm 1971 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 173/4, ấp Long Hưng 2, xã L H, huyện L V, tỉnh Đ T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn T Đ trình bày:

** Về hôn nhân*:

Chị Đvà anh E do mai mối đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới 1989, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/1989, tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện L V, tỉnh Đ T Sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng 10 năm sau vợ chồng phát sinh nhiều mẫu thuẫn, nguyên nhân do anh E không lo làm ăn chăm sóc cho vợ con, chỉ biết ham chơi và kiếm chuyện đánh chị Đ nhiều lần bằng tay, chị Đ đã cố

gắng nhịn để chung sống nhưng anh Evẫn không thay đổi, vẫn luôn kiếm chuyện đánh chị Đ nên chị Đvề cha mẹ ruột sống khoảng tháng 5/2022, từ ngày chị Đ về cha mẹ ruột sống thì anh E đến kiếm chuyện và đánh chị Đào, nay chị Đkhông còn tình cảm gì với anh Enên chị Đlàm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Em.

Về con chung: 02 người con là Bùi Thị T T, sinh ngày 28/7/1998 và Bùi M Đ, sinh ngày 11/11/2011. Chị Đyêu cầu được tiếp tục nuôi con M Đ, chị Đ không yêu cầu anh E cấp dưỡng. Đối với T Tchị đã trưởng thành chị Đkhông yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Bùi Văn S E: Đã đượcTòa án tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có ly do và không có ý kiến phản bác yêu cầu của nguyên đơn.

Bùi M Đ có tờ tường trình được sông chung với chị Đào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn T Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Nguyễn T Đ và Bùi Văn S E, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Văn S E đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyễn T Đ và Bùi Văn S E tổ chức đám cưới năm 1989 và đăng ký kết hôn ngày 28/6/1989, tại Ủy ban nhân dân xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải nhau, hơn nữa anh E không lo lắng chăm sóc gì cho vợ, và có đánh chị Đvì thế chị Đvà anh E xa nhau từ năm 2022 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị Đ vẫn cương quyết ly hôn với anh Em. Đối với anh E từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa anh E vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của chị Đ. Điều đó cho thấy anh E đã từ bỏ

cuộc hôn nhân này với chị Đào, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị Đ và anh E là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị Đyêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đlà có căn cứ.

[3] Về con chung: Có hai 02 người con là Bùi Thị T T, sinh ngày 28/7/1998 và Bùi M Đ, sinh ngày 11/11/2011, Trúc có gia đình còn M Đ đang sống với chị Đào, chị Đyêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu này của chị Đlà có cơ sở bởi lẽ, điều này phù hợp với nguyện vọng của M Đ được sống với chị Đvà phù hợp với thực tế là từ khi xa nhau đến nay con sống chung với chị Đđược chị Đnuôi dưỡng chu đáo, để ổn định cho Bùi M Đ, Hội đồng xét xử cần giao con chung Bùi M Đ, sinh ngày 11/11/2011 cho chị Đđược tiếp tục nuôi đưỡng. Về cấp dưỡng chị Đkhông yêu cầu anh Ecấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Không có, không xem xét giải quyết.

Anh Bùi Văn S E từ khi thụ lý vụ án đến nay mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định trong đó có việc thông báo cho anh Ebiết việc tình trạng tài sản chung và nợ khi ly hôn nhưng anh E cũng không có ý kiến hay phản bác yêu cầu của chị Đvề vấn đề tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn T Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho Nguyễn T Đ được ly hôn với Bùi Văn S E.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi M Đ, sinh ngày 11/11/2011 cho chị Đnuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị Đ không yêu cầu.

Chị Nguyễn T Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Bùi Văn S E trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn T Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng . Được khấu trừ 300.000 đồng mà Nguyễn T Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0015566, ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Nguyễn T Đ đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/4/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư